

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HS-PT

Ngày: 06 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 30/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn **G** do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với B án án hình sự sơ thẩm số: 09/2018/HSST ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Nguyễn Văn G; sinh năm: 1946; tại Hậu Giang; đăng ký thường trú: Ấp **T**, xã **T**, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn **H** (chết) và bà Dương Thị **C** (chết); có vợ là Nguyễn Thị **C** và 05 người con (lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1980); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo, liên quan đến kháng cáo:

- Bị hại: Lương Thị Tuyết **M**; sinh năm: 1977; nơi cư trú: Ấp 4, xã **H**, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Võ Việt **H**; sinh năm: 1976; nơi cư trú: Ấp 4, xã **H**, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

- Người giám định: ông Hồ Thanh Vũ; nơi công tác: Trung tâm Pháp y tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 09/6/2017, chị Lương Thị Tuyết M đến nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Ổ ở ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang chơi. Đến khoảng 13 giờ, chị M nhờ người em bà con bạn dì tên Lê Văn T đi đến phần đất tranh chấp giữa bà Ổ với Nguyễn Văn G để hái dừa khô, khi T đến hái dừa thì G cùng người nhà ra can ngăn không cho. Hai bên xảy ra cự cãi với nhau, G giương nạng thun tự chế có gắn viên bi bằng đất khô bắn Lê Văn T đang leo hái dừa nhưng không trúng. Đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày trong lúc chị M đang đứng dưới gốc dừa thì có lời lẽ thách thức đối với G là bắn tao nè, bắn tao nè, G liền giương nạng thun bắn trúng vào vùng mặt bên phải cung mày của chị M gây thương tích, chị M được gia đình đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Số 10, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Đến 15 giờ 15 phút cùng ngày, Lê Thị H đến Công an xã T trình báo sự việc. Quá trình điều tra Nguyễn Văn G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 151/TgT ngày 11/8/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Hậu Giang xác định thương tích và kết luận tỷ lệ thương tích tổn hại đến sức khỏe hiện tại đối với Lương Thị Tuyết M là 12%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 23/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn G phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 104; Điều 3; Điều 45; điểm m, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 24 (hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 584; Điều 586; Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn G có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lương Thị Tuyết M tổng số tiền là 17.511.375 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/3/2018, bị hại Lương Thị Tuyết M kháng cáo với nội dung yêu cầu

tăng hình phạt và tăng mức bồi thường thiệt hại.

Ngày 12/3/2018, bị cáo kháng cáo với nội dung yêu cầu xem xét lại trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo cho rằng, do bị hại có lời lẽ thách thức nên bị cáo mới dùng nạng thun có gắn viên bi bằng đất bắn vào bị hại. Bị cáo không đồng ý với kết luận tỷ lệ thương tích vì cho rằng có sự mờ ám trong kết luận giám định và yêu cầu được giám định lại thương tích của bị hại. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo không đồng ý bồi thường cho bị hại nếu không cho giám định lại thương tích của bị hại.

Bị hại Lương Thị Tuyết M trình bày: Mức hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo là không đủ răn đe, vì bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật, đề nghị chuyển sang tù giam. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị xem xét bồi thường tổn thất tinh thần là 15 lần mức lương cơ sở, do hiện nay bị hại vẫn còn thường xuyên đau đầu do thương tích gây ra.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn G về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với kháng cáo của bị cáo và bị hại về trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, mức hình phạt và trách nhiệm dân sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Đối với yêu cầu giám định lại thương tích bị hại của bị cáo. Xét thấy kết luận giám định thương tích bị hại là đầy đủ, đúng quy định pháp luật nên hợp pháp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu giám định lại thương tích bị hại của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại lần triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2, bị cáo Nguyễn Văn G vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng biện pháp áp giải đối với bị cáo G do bị cáo là người già và có bệnh là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tạm ngưng phiên tòa để xác minh lý do bị cáo vắng mặt, sau đó tiến hành xét xử trong cùng một ngày là không đúng quy định. Bởi lẽ, bị cáo vắng mặt tại phiên tòa không thuộc trường hợp tạm ngưng phiên tòa theo Điều 251 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đáng lẽ, trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để hoãn phiên tòa nếu sự vắng mặt của bị cáo là vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; nếu sự vắng mặt của bị cáo không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử thì áp dụng điểm d khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố

tụng hình sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm tạm ngưng phiên tòa, sau đó đi xác minh lý do vắng mặt của bị cáo và mở lại phiên tòa trong cùng một ngày là chưa phù hợp. Tuy nhiên, do không có khiếu nại cũng như bị cáo đã thực hiện được quyền kháng cáo của bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn thừa nhận hành vi phạm tội, lời thừa nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 09/6/2017, bị cáo Nguyễn Văn G đã có hành vi dùng nạng thun tự chế có gắn viên bi bằng đất bắn vào người chị Lương Thị Tuyết M trúng vào vùng mặt bên phải cung mày của chị M gây thương tích theo kết luận giám định là 12%. Với hành vi, hậu quả mà bị cáo G gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo G về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo G yêu cầu giám định lại thương tích của người bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự thủ tục tố tụng hình sự về trưng cầu giám định và không mâu thuẫn hay sự nghi ngờ về kết luận tỷ lệ thương tích của bị hại. Do đó, sau khi nhận được đơn đề nghị giám định lại của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo về việc không chấp nhận yêu cầu giám định lại của bị cáo là đúng quy định pháp luật. Trong đơn kháng cáo, bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm đã không tuân thủ Điều 22 của Luật Giám định tư pháp năm 2012 là không có cơ sở. Bởi lẽ, bị cáo không thuộc đối tượng có quyền và nghĩa vụ theo Điều 22 của Luật Giám định tư pháp năm 2012. Kết luận giám định đối với thương tích của bị hại M đúng như giấy chứng nhận thương tích ghi nhận và phù hợp với quy định của Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế nên được xem là hợp pháp. Do đó, không có cơ sở để giám định lại theo yêu cầu của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu xem xét mức hình phạt của bị cáo và kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo hưởng án treo của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp định khung tăng nặng hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), có khung hình phạt từ 02 năm tù đến 07 năm tù. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định đối hành vi phạm tội của bị cáo tại điểm đ khoản 2 Điều 134 có khung hình phạt từ 02 năm tù đến 06 năm tù. Căn cứ theo Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì phải áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo, vì đây là trường hợp có lợi cho bị cáo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét áp dụng cho bị cáo là có phần thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng như: Bị cáo có nhân thân tốt,

không có tiền án, tiền sự; bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là người già theo quy định tại điểm m, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngoài ra, sự việc xảy ra bị hại cũng có một phần lỗi nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Xét thấy mức hình phạt 02 năm tù là ở mức khởi điểm của khung hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) cho bị cáo hưởng án treo là đã phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và bị hại không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại.

[5] Xét kháng cáo yêu cầu xem xét trách nhiệm dân sự của bị cáo và bị hại. Sau khi xem xét các toa vé mà bị hại cung cấp, đối chiếu với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, về tiền thuốc theo toa vé là 6.011.375 đồng; thu nhập thực tế bị mất của bị hại và người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị từ ngày 09/6/2017 đến ngày 13/6/2017 là 2.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với phân chi phí hàng ngày của bị hại và người chăm sóc bị hại mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 700.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật. Đối với tiền xe đi cấp cứu theo lời khai của bị hại M tại phiên tòa phúc thẩm là 600.000 đồng. Do đó, mức bồi thường 1.000.000 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường là không phù hợp nên điều chỉnh lại chi phí này là 600.000 đồng. Đối với yêu cầu khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường 06 lần mức lương cơ sở với số tiền 7.800.000 đồng là phù hợp. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo sửa một phần trách nhiệm dân sự, theo đó không buộc bị cáo phải bồi thường chi phí hàng ngày của bị hại và người chăm sóc bị hại và điều chỉnh lại chi phí tiền xe đi cấp cứu; không chấp nhận kháng cáo của bị hại về tăng khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần. Bản án sơ thẩm không tuyên áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo có nghĩa vụ chậm trả tiền trong giai đoạn thi hành án là thiếu sót, nên Hội đồng xét xử điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn G phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 104, Điều 3, Điều 45, các điểm m, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các Điều 357, 584, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn G có trách nhiệm bồi thường cho Lương Thị Tuyết M số tiền là 16.411.375 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm mười một nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bị hại Lương Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Văn G chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng bị cáo G còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm: Không ai phải chịu.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- PV27 - Công an tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện P;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh